

Số: **134** /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”; căn cứ thực trạng tình hình dinh dưỡng của bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Hành động thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang:

- Đến năm 2025:

- + Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 20%.
- + Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 12%, riêng tại huyện khó khăn như Na Hang và Lâm Bình dưới 16 %.
- + Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 8%.
- + Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 25,5%.

- Phấn đấu đến năm 2030:

- + Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 16%.
- + Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 10,5%.
- + Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 7%.
- + Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới 23,5%.

2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao tỷ lệ thực hành về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời cho người chăm sóc trẻ:

- Đến năm 2025:

+ 80% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 30% bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

+ 60% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn.

+ 70% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

- Phần đầu đến năm 2030:

+ 85% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 35% bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu.

+ 70% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi.

+ 80% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

II. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chính sách và chỉ đạo điều hành

- Nghiên cứu, vận dụng các văn bản chính sách, pháp luật đã được ban hành về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, trong đó có hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, và trẻ em dưới 24 tháng tuổi, có chính sách ưu tiên tại các huyện/xã khó khăn, tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn cụ thể là huyện Na Hang và huyện Lâm Bình.

- Xây dựng các chỉ tiêu về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và đưa vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội tại từng huyện, thành phố; xây dựng thực đơn dinh dưỡng phù hợp theo nhóm đối tượng và vùng miền. Lồng ghép các chỉ tiêu về dinh dưỡng trong chương trình này với các chỉ tiêu về dinh dưỡng của các chương trình liên quan tại các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch và hệ thống chỉ tiêu, bố trí kinh phí, thực thi chính sách hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em dưới 24 tháng tuổi; việc thực hiện Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; chú trọng phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh trong việc thực hiện Chương trình.

2. Về thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và vận động về lợi ích của việc khám thai định kỳ và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý, bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Tập trung cung cấp thông tin và truyền thông vận động đối với phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ và gia đình, đặc biệt là các đối tượng ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng. Chú trọng thông tin, truyền thông qua hệ thống cơ sở, cán bộ y tế cơ sở, hội phụ nữ, thông tin tại thôn bản thuộc vùng sâu, vùng xa.

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế, cán bộ hội phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh bằng hình thức phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, các mô hình thực hiện có hiệu quả (như bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc, thiết lập và vận hành ngân hàng sữa mẹ).

3. Về chuyên môn kỹ thuật

- Triển khai toàn diện các can thiệp về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời bao gồm: Thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Hướng dẫn dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng và địa bàn, sử dụng nguồn lương thực, thực phẩm sẵn có tại hộ gia đình, đảm bảo an ninh lương thực, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Xác định nhóm đối tượng ưu tiên và khu vực cần được can thiệp dựa theo các tiêu chí về suy dinh dưỡng thấp còi, tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trong tỉnh, trước hết là tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi cao.

- Tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn bản, các cô đỡ thôn bản về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; hướng dẫn ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em dưới 2 tuổi; bổ sung vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ có thai, trẻ dưới 2 tuổi.

- Xây dựng các mô hình triển khai thí điểm tại một xã khó khăn trên địa bàn huyện Na Hang và Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, giám sát thực tế các mô hình triển khai tại các khu dân cư.

4. Theo dõi, giám sát và đánh giá

- Xây dựng, giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

- Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá, giám sát về kết quả thực hiện Chương trình.

- Thực hiện khảo sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chương trình tại các huyện, thành phố trong tỉnh.

5. Về kinh phí

- Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Kinh phí từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo nghị quyết số 88/2019/QH ngày 18 tháng 11 năm 2019 của quốc hội

- Kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương.

- Huy động sự tham gia đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

(Có biểu nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Chịu trách nhiệm chính tổ chức triển khai các hoạt động nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam tại tỉnh Tuyên Quang.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ban, ngành địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Chỉ đạo Trung tâm y tế các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nội dung hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng và triển khai chương trình “chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam” tại địa phương.

- Cung cấp miễn phí một số loại vi chất dinh dưỡng thiết yếu cho phụ nữ có thai và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Củng cố mạng lưới quản lý suy dinh dưỡng thể thấp còi và thể nhẹ cân tại trạm y tế xã, phường.

+ Các trạm y tế phân công cán bộ phụ trách hoạt động của chương trình, báo cáo trung tâm y tế các huyện, thành phố để theo dõi và báo cáo Sở Y tế.

+ Các trạm y tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đưa nội dung triển khai chương trình “chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam” là một nội dung hoạt động của Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân cấp xã, phường, huy động toàn thể các ban, ngành, hội, đoàn thể của các xã, phường, thị trấn và mạng lưới nhân viên y tế thôn bản tích cực tham gia.

+ Các đơn vị được giao trách nhiệm triển khai các hoạt động báo cáo kết quả thực hiện chương trình về Sở Y tế trước tháng 12 hàng năm theo tiến độ và thời gian quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động của Kế hoạch đến các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục, các trung tâm học tập cộng đồng phối hợp và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ trong 1.000 ngày đầu đời.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

- Thực hiện các chính sách tài chính khuyến khích sản xuất và tiêu dùng thực phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe, khuyến khích xã hội hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ nâng cao sức khỏe.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội tại từng địa phương; sử dụng số liệu dinh dưỡng hàng năm, 5 năm phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Theo dõi, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Lao động- Thương Binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với trẻ em; trong đó chú trọng đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em người dân tộc thiểu số.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích, phát triển sản xuất nhằm đảm bảo nhu cầu lương thực của địa phương; hướng dẫn nhân dân sản xuất thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tăng cường kiểm tra,

kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm nông sản hàng hóa; xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan định hướng các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục truyền thông về Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các chương trình phát thanh, phóng sự truyền hình nhằm tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, tuyên truyền giáo dục sức khỏe, truyền thông về dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh.

9. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì thực hiện việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chế độ dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, từ bỏ các hủ tục tập quán lạc hậu để thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

- Phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và thực hiện các mô hình triển khai điểm tại các xã đặc biệt khó khăn trong tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ mục tiêu và các chỉ tiêu tại kế hoạch này, chú trọng xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phù hợp với đặc điểm của địa phương; lồng ghép các chỉ tiêu của Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vào trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của chương trình trên địa bàn, bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất cần thiết và đẩy mạnh xã hội hóa để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình hàng năm gửi Sở Y tế để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Tuyên truyền vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; giám sát việc thực hiện chương trình.

- Lồng ghép việc thực hiện các chỉ tiêu Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em

nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

12. Đề nghị Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh

Vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý.

Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Sở Y tế trước tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH; Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp;
- Các thành viên BCD công tác DS-KHHGĐ tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX (Giang).

(báo cáo)

(T/ hiện)



Hoàng Việt Phương

NHU CẦU KINH PHÍ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH “CHĂM SÓC DINH DƯỠNG 1.000 NGÀY ĐẦU ĐỜI NHẪM PHÒNG
CHỐNG SUY DINH DƯỠNG BÀ MẸ, TRẺ EM, NÂNG CAO TẦM VỐC NGƯỜI VIỆT NAM” TẠI TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN
2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 134 /KH-UBND ngày 26 tháng 12 Năm 2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hoạt động	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025						Tổng
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	
I	Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia							4.815
1.1	Triển khai chiến dịch bổ sung vitamin A	273	300	330	363	400	440	2.106
1.2	Tập huấn do tuyến trên tổ chức và hỗ trợ chuyên môn tuyến dưới	80	88	97	106	117	129	617
1.3	Điều tra đánh giá 30 cụm tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em	110	121	133	146	161	177	848
1.4	Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ có con bị suy dinh dưỡng	111	122	134	148	163	179	857
1.5	Mua sản phẩm dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em, túi đựng đa vi chất cho phụ nữ mang thai	50	55	61	67	73	81	387

TT	Hoạt động	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2020-2025						Tổng
		2020	2021	2022	2023	2024	2025	
II	Kinh phí từ ngân sách địa phương							459
2.1	In sách cẩm nang cho bà mẹ đang mang thai và cho con bú	0	43	43	43	43	43	215
2.2	Điều tra tình trạng thiếu máu ở phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ, số phụ nữ điều tra 500 người/5 xã	0	40	44	48	53	59	244
III	Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước							3.168
3.1	Cải thiện thực hành dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em của người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	720	720	720	0	0	0	2.160
3.2	Giảm bệnh thông thường của trẻ < 5 tuổi thông qua cải thiện thực hành Nước sạch, vệ sinh môi trường và điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế	314	314	314	0	0	0	942
3.3	Tăng cường phát triển và thực hiện chính sách về dinh dưỡng	22	22	22	0	0	0	66
	Tổng kinh phí thực hiện chương trình	1.680	1.825	1.898	921	1.010	1.108	8.442

Tổng: 8.442.000.000 (Tám tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn./.)